TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HSST
Ngày: 15/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Bích Nguyệt**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Vĩ**
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Hà Ngân** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 273/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024; Thông báo hoãn phiên tòa số 276 ngày 18 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1. TRẦN VĂN Đ., sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Giới tính: Nữ; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B., con bà Nguyễn Thị T.; Chồng: Nguyễn Văn S.; Con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền án: không, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/5/2024 đến ngày 30/5/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú".

Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN THỊ B. (tên thường gọi O.), sinh năm 1970

Nơi cư trú: 87B K, phường N, quận K, Hà Nội; Giới tính: Nữ; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T., con bà Võ Thị N.; Chồng: Lê L. G.; Con: có 03

con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2003); Tiền án: không, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/7/2024 đến ngày 19/7/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú".

Có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN THỊ A., sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn T, xã G, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Giới tính: Nữ; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T., con bà Nguyễn Thị KỷK. Chồng: Nguyễn Đức H.; Con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền án: không, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/5/2024 đến ngày 30/5/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú".

Có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN THỊ T., sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Giới tính: Nữ; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T., con bà Hoàng Thị T.; Chồng: Hoàng Văn D.; Con: có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019); Tiền án: không, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/5/2024 đến ngày 30/5/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú".

Có mặt tại phiên tòa.

5. NGUYỄN THỊ V., sinh năm 1992

Nơi cư trú: Số 55, ngách 61/15 L, phường T, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; Giới tính: Nữ; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Nhân viên Cty phục vụ mặt đất Sân bay Việt Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T., con bà Nguyễn Thị P.; Chồng: Trần Phú K. (đã ly hôn); Con: có 01 con sinh năm 2013; Tiền án: không, Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú".

Có mặt tại phiên tòa.

6. NGUYỄN H.A, sinh năm 2002

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Giới tính: Nữ; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Lao động

tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D, con bà Nguyễn Thị O; Chồng: Nguyễn Trọng K.; Con: có 01 con sinh năm 2024 (đã chết); Tiền án: không, Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú".

Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị B. (tên thường gọi O.):

Bà **Phạm Thị L.** - Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm T. - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/01/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Sóc Sơn nhận được Công văn số 574 ngày 12/12/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội về việc: Bảo hiểm xã hội Sóc Sơn tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ ốm đau của người lao động của đơn vị sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn huyện quản lý thu, chi chế độ bảo hiểm xã hội. Trong quá trình rà soát, kiểm tra, đối chiếu chứng từ giải quyết chế độ, Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn đã phát hiện hồ sơ có dấu hiệu bị giả mạo nên có văn bản thông báo đến đơn vị sử dụng lao động về việc từ chối thanh toán và cung cấp tài liệu cho Cơ quan CSĐT-Công an huyện Sóc Sơn để phục vụ điều tra gồm: **07** giấy ra viện (bản chính), trong đó có **06** giấy ra viện có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện Nam Thăng Long mang tên ***Nguyễn Thị V.***, sinh năm 1992, trú tại Số 55, ngõ 61/15 L., quận T, Hà Nội (vào các ngày 08/5/2019; 15/12/2019; 13/9/2020; 01/01/2023; 08/01/2023; 25/03/2023); **01** giấy ra viện có chữ ký và đấu đỏ của Bệnh viện Bạch Mai mang tên ***Phạm Trung H.,*** sinh năm 1992, trú tại số 36, tổ 5, khu 12, Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ vào ngày 06/02/2023; **07** giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội (bản chính), trong đó có **01** Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện Bạch Mai vào ngày 04/6/2023 đối với người bệnh nhân tên ***Vũ Phương Th.***, sinh năm 1992, trú tại xóm 3, N, N, tỉnh Nam Định; 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện Bạch Mai vào ngày 12/9/2023 đối với người bệnh tên ***Ngô Thị Thanh T.***, sinh năm 1992, trú tại K12, xã L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; **03** Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn vào các ngày 01/12/2022, 03/12/2022, 05/12/2022 đối với người bệnh tên ***Nguyễn H.A***, sinh năm 2002, trú tại thôn B, xã T, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội; **01** Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn ngày 03/10/2023 đối với người bệnh tên ***Nguyễn Thị L.***, sinh năm 1998, trú tại thôn L, xã T, huyện Sóc Sơn, Tp

Hà Nội; **01** Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn ngày 25/10/2023 đối với người bệnh tên ***Nguyễn Thị L.,*** sinh năm 2001, trú tại thôn D, xã M, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội.

Ngày 29/02/2024, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Tp Hà Nội có bản Kết luận giám định số 1563/KL-KTHS kết luận đối với các tài liệu nêu trên:

- Hình dấu tròn "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A5) với hình dấu tròn "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) ***không phải do cùng một con dấu đóng ra.***

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Tạ Văn S. trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A5) với chữ ký đứng tên Tạ Văn S. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Phạm Minh Th. trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3, A5) với chữ ký đứng tên Phạm Minh Th. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M3) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- Hình dấu tròn "BỆNH VIỆN BẠCH MAI" trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A6 đến A8) với hình dấu tròn "BỆNH VIỆN BẠCH MAI" trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M5 đến M11) ***không phải do cùng một dấu đóng ra.***

- Chữ ký đứng tên Đào Xuân C. trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A6, A8) với chữ ký đứng tên Đào Xuân C. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M6) ***không phải là chữ do cùng một người ký ra.***

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Phạm Mạnh H. trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A7) với chữ ký đứng tên Phạm Mạnh H. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M7) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Phạm Mạnh H. trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A7) với chữ ký đứng tên Phạm Mạnh H. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M8) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Phạm Trần L. trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A7) với chữ ký đứng tên Phạm Trần L. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M9) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Vũ Ngọc A. trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A8) với chữ ký đứng tên Vũ Ngọc A. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M10) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- Hình dấu tròn "BỆNH VIỆN NAM THĂNG LONG" trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A9 đến A14) với hình dấu tròn "BỆNH VIỆN NAM THANH LONG" trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M12) ***không phải do cùng một con dấu đóng ra.***

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trần Văn Đ trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A9 đến A14) với chữ ký đứng tên Trần Văn Đ trên mẫu so sánh (Ký hiệu M12) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Bế Thị Đài H trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A9 đến A11) với chữ ký đứng tên Bế Thị Đài H trên mẫu so sánh (Ký hiệu M12) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

Quá trình điều tra làm rõ hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của các bị cáo cụ thể như sau:

1- Hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Thị V.:

Năm 2016, ***Nguyễn Thị V.***, sinh năm 1992, ở số 55, ngách 61/15 T, phường T, quận T, Hà Nội, làm việc tại Công ty phục vụ mặt đất V. - Sân bay quốc tế Nội Bài. Theo quy định của Công ty: 01 năm nhân viên được nghỉ phép từ 10 - 12 ngày, nếu muốn nghỉ thêm phải có giấy khám, chữa bệnh của Bệnh viện. Khoảng tháng 5 năm 2019, V. bị ốm, có người giới thiệu để V. mua giấy ra viện của Bệnh viện Nam Thăng Long và cho V. số điện thoại của Nguyễn Thị B.. Sau đó, V. nhắn tin qua ứng dụng Messenger với B. để hỏi mua Giấy ra viện có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện Nam Thăng Long. B. đồng ý và yêu cầu V. cung cấp thông tin họ tên, số sổ bảo hiểm, địa chỉ, số ngày nghỉ và tên Công ty cho B. để B. làm giấy ra viện cho V..

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2023, V. đã đặt mua 06 Giấy ra viện có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện Nam Thăng Long, cụ thể như sau:

+ Ngày 13/03/2019, V. mua của B. 01 giấy ra viện với bệnh án viêm đau mắt đỏ, thời gian nghỉ từ ngày 05/3/2019 đến ngày 08/03/2019, giá 200.000 đồng;

+ Ngày 11/12/2019, V. mua của B. 01 giấy ra viện với bệnh án mổ ruột thừa cấp, thời gian nghỉ từ ngày 11/12/2019 đến ngày 15/12/2019, giá 500.000 đồng;

+ Ngày 30/9/2020, V. mua của B. 01 giấy ra viện với bệnh án sốt virus, viêm dây thanh quản, thời gian nghỉ từ ngày 05/9/2020 đến ngày 13/9/2020, giá 500.000 đồng;

+ Ngày 26/12/2022, V. mua của B. 01 giấy ra viện với bệnh án sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp trên, thời gian nghỉ từ ngày 26/12/2022 đến ngày 01/01/2023, giá 500.000 đồng;

+ Ngày 04/01/2023, V. mua của B. 01 giấy ra viện với bệnh án sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp trên, thời gian nghỉ từ ngày 04/01/2023 đến ngày 08/01/2023, giá 200.000 đồng;

+ Ngày 28/03/2023, V. mua của B. 01 giấy ra viện với bệnh án sốt virus, thời gian nghỉ từ ngày 22/03/2023 đến ngày 25/03/2023, giá 200.000 đồng.

Sau đó V. nhận giấy ra viện của B. thông qua shipper, V. đưa tiền cho shipper để trả B.. Sau khi nhận được các giấy ra viện nêu trên, V. đã nộp cho Công ty **06** giấy ra viện có chữ ký và đóng dấu đỏ của Bệnh viện Nam Thăng Long, Công ty đã chuyển hồ sơ của V. đến Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn để làm thủ tục thanh toán tiền bảo hiểm xã hội. V. đã được Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn chi trả số tiền ***4.522.188 đồng***. Sau khi phát hiện tài liệu không hợp lệ, ngày 18/8/2023, Bảo hiểm huyện Sóc Sơn thông báo truy thu tiền bảo hiểm 4.522.188 đồng nên V. đã nộp lại toàn bộ số tiền nêu trên.

2- Hành vi làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Thị B.:

Năm 2019, ***Nguyễn Thị B.*** (tên gọi khác O.), sinh năm 1970, trú tại 87B K, P. N, quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội bán trà đá gần Bệnh viện ở thành phố Hà Nội. Quá trình bán hàng nước, B. quen biết với 01 người nam giới tên Dg. (*không rõ nhân thân, lai lịch*). Dg. bảo B. nếu có khách hỏi mua Giấy khám sức khỏe và Giấy ra viện của Bệnh viện Nam Thăng Long thì giới thiệu cho Dg. để Dg. làm, B. đồng ý. Dg. và B. thống nhất, đối với khách hỏi mua Giấy khám sức khỏe có ảnh hoặc không có ảnh, Dg. bán với giá là *50.000 đồng/01 tờ*, B. bán cho khách Giấy khám sức khỏe có ảnh là *80.000 đồng/tờ* (đối với khách quen) và *100.000 đồng/tờ* (đối với khách lạ); đối với Giấy khám sức khỏe không có ảnh, B. bán cho khách quen là *60.000 đồng/tờ* và *80.000 đồng/tờ* đối với khách lạ. Đối với khách hỏi mua Giấy ra viện Dg. bán với giá là *30.000 đồng/ngày*, còn B. bán cho khách quen với giá là *50.000 đồng/ngày* và *100.000 đồng/ngày* đối với khách lạ. Hàng ngày, Dg. đến quán nước của B., khi có khách đặt mua giấy tờ, B. cung cấp thông tin của khách cho Dg. để Dg. ghi vào sổ hoặc B. đưa trực tiếp thông tin khách hàng cho Dg.. Sau khi làm xong các giấy tờ mà khách đặt, khoảng 16 giờ cùng ngày Dg. mang giấy tờ đến giao cho B., B. thanh toán tiền cho Dg.. Sau khi nhận được giấy tờ khách hàng đặt mua đến quán của B. để lấy, nếu khách không đến lấy được, B. thuê shipper chuyển giấy tờ đến theo địa chỉ khách cung cấp cho B.; khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền vào số tài khoản 19035170047019 Ngân hàng Techcombank của Lê Hồng P., sinh năm 1988, trú tại 87 K, phường N, quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội (là con trai của B.).

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị B. tại số nhà 87b K, P. N, Q. Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 Giấy ra viện có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện Nam Thăng Long, mang tên Nguyễn Thị V., địa chỉ 55 ngõ 61/25 T, Hà Nội; **03** Giấy chứng nhận sức khỏe chưa điền thông tin người chứng nhận, không đề ngày tháng năm, có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện Nam Thăng Long. B. khai nhận là các tài liệu do Dg. làm sau đó đưa lại cho B., **03** Giấy khám sức khỏe

chưa điền thông tin B. mua sẵn của Dg. để khi có khách đặt mua thì B. điền thông tin của khách hàng và giao cho khách.

Bản Kết luận giám định số 5794/KL-KTHS ngày 13/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Tp Hà Nội kết luận:

- Hình dấu tròn "BỆNH VIỆN NAM THĂNG LONG" trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A4) với hình dấu tròn "BỆNH VIỆN NAM THĂNG LONG" trên mẫu so sánh (Ký hiệu M) ***không phải do cùng một con dấu đóng ra.***

- Chữ ký đứng tên Trần Văn Đ. trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A4) với chữ ký đứng tên Trần Văn Đ. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M) ***không phải là chữ do cùng một người ký ra.***

B. khai nhận bán 06 giấy ra viện cho Nguyễn Thị V. như đã nêu trên. Đối với những tài liệu B. đã bán cho những người không quen biết, do B. không xác định được nhân thân lai lịch và không thu giữ được giấy tờ tài liệu để phục vụ giám định nên không có cơ sở xác minh làm rõ. Do vậy số tiền Nguyễn Thị B. thu lời bất chính là 1.260.000 đồng.

3- Hành vi Làm giả tài liệu; Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức của Trần Thị Thanh G.; hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Thị A., Nguyễn Thị T.; hành vi Sử dụng tài liệu giả của Nguyễn H.A:

Năm 2022, ***Trần Thị Thanh G.*** (sinh năm 1983, trú tại thôn B, xã T, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội) quen biết ***Nguyễn Thị A.*** (sinh năm 1988, trú tại trú tại thôn T, xã G, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội) thông qua mạng xã hội Facebook. Do cần Giấy khám sức khỏe để xin việc, Nguyễn Thị A. nhắn tin vào tài khoản Facebook "Trần G." của G. để hỏi mua Giấy khám sức khỏe, G. đồng ý bán cho Nguyễn Thị A. với giá *120.000 đồng*, G. yêu cầu Nguyễn Thị A. chụp ảnh thẻ bảo hiểm, ảnh chân dung của Nguyễn Thị A. để gửi cho G.. Sau đó, G. lên mạng xã hội facebook đặt mua 01 Giấy khám sức khỏe với giá *70.000 đồng/tờ*. Sau khi mua được giấy khám sức khỏe, G. mang Giấy khám sức khỏe đến điểm hẹn tại ngã 3, khu Công Nghiệp Nội Bài thuộc địa phận xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội để đưa cho Nguyễn Thị A. và nhận của Nguyễn Thị A. số tiền 120.000 đồng. Do dịch bệnh Covid 19, Nguyễn Thị A. không dùng giấy khám sức khỏe trên để xin việc làm và đã vứt bỏ giấy khám khỏe đi không còn giữ lại.

Khoảng cuối năm 2022, G. nghỉ làm tại Công ty TSVN. Do không có công việc ổn định và G. biết việc làm giả Giấy khám sức khỏe, Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn) để bán cho khách mang lại lợi nhuận cao nên G. đã đi khám tổng thể ở Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn nhằm mục đích để lấy mẫu giấy khám sức khỏe, chữ ký của các Bác sĩ, chữ ký của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn. Sau khi có

mẫu Giấy khám sức khỏe gốc của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, G. lấy mẫu Giấy khám sức khỏe ở trên mạng rồi photo ra làm nhiều bản, G. vào mạng xã hội đặt mua **01** con dấu của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn với giá 1.000.000 đồng; **06** con dấu tên của các bác sĩ Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn và **01** con dấu "*Đã thu tiền*" trên mạng xã hội với giá 100.000 đồng/01 dấu. G. nhận được con dấu thông qua shipper giao hàng tại nhà, G. thanh toán tiền cho shipper. Sau đó, G. sử dụng tài khoản facebook tên "Trần G." và đăng bài viết trên nhóm facebook *"Sóc Sơn tuyển dụng việc làm"* với nội dung *"Ai cần giấy khám sức khỏe inbox"*. Nếu có khách đặt mua sẽ nhắn tin vào tài khoản facebook của G., sau đó G. và khách hàng thỏa thuận giá mua các giấy tờ cụ thể như sau:

+ Đối với Giấy khám sức khỏe có ảnh và đóng dấu giáp lai giá là *80.000 đồng/01 giấy*;

+ Giấy khám sức khỏe không có ảnh và không đóng dấu giáp lai giá là *70.000 đồng/01 giấy*;

+ Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội giá là *50.000 đồng/01 ngày*.

G. yêu cầu khách hàng cung cấp ảnh để G. dán vào Giấy khám sức khỏe. Đối với Giấy chứng nhận nghỉ việc để hưởng bảo hiểm xã hội G. yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin tên, tuổi, địa chỉ công ty và số thẻ bảo hiểm y tế để điền các thông tin vào giấy chứng nhận. G. tự ghi thông tin kết quả của người đặt mua vào giấy khám sức khỏe, tự ký vào phần của bác sĩ chuyên khoa khám và phần chữ ký của Giám đốc bệnh viện, sau đó dùng dấu giả đặt mua trên mạng xã hội để đóng dấu vào chữ ký của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn và đóng dấu giáp lai trên ảnh của khách hàng. Đối với Giấy chứng nhận nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, G. đến các quán photocopy ở khu vực huyện Sóc Sơn (G. không nhớ địa chỉ cụ thể) để nhờ đánh thông tin của khách hàng vào Giấy chứng nhận, sau đó G. ký tên Giám đốc Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, lấy dấu đóng vào giấy tờ. Sau khi làm xong các giấy tờ theo yêu cầu của khách hàng, G. L. hệ với khách hàng để hẹn địa điểm giao giấy tờ tại Khu công nghiệp Nội Bài để đưa các giấy tờ cho khách hàng. Khi nhận giấy tờ, khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền vào số tài khoản 10524876913019 của Ngân hàng Techcombank mang tên Trần Thị Thanh G..

Đầu tháng 12/2022, ***Nguyễn H.A*** (sinh năm 2002, ở Thôn B, xã T, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội), là nhân viên của Công ty TNHH Tenma (HCM) - Chi nhánh Hà Nội. Công ty quy định 01 tháng nhân viên được nghỉ 01 ngày phép. Do H.A có việc cần xin nghỉ từ ngày 01/12/2022 đến ngày 05/12/2022 nên H.A lên Facebook tìm kiếm hội nhóm "*Giấy nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội*", H.A thấy có bài viết

đăng "*Quanh khu vực Sóc Sơn có ai bán giấy nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội không nhỉ*", H.A thấy có tài khoản facebook "Trần G." của G. bình luận dưới bài viết "*chị có bán*". Sau đó, H.A có nhắn tin cho tài khoản facebook của G. hỏi mua Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội. G. cho H.A số điện thoại của G., H.A kết bạn zalo với G.. Sau đó, H.A nhắn tin qua tài khoản zalo của G. hỏi mua Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, G. đồng ý bán cho H.A với giá *70.000 đồng/01 ngày*. G. yêu cầu H.A cung cấp số thẻ bảo hiểm, thông tin tên Công ty, thông tin cá nhân cho G.. H.A đã mua của G. **03** Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội cụ thể như sau:

+ Ngày 01/12/2022, H.A mua 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn của G., với lý do bệnh cúm, thời gian nghỉ từ ngày 01/12/2022 đến ngày 02/12/2022;

+ Ngày 03/12/2022, H.A mua 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn của G., với lý do dị ứng thời tiết, mẩn ngứa, thời gian nghỉ 01 ngày (03/12/2022);

+ Ngày 05/12/2022, H.A mua 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn của G. với lý do dị ứng thời tiết, mẩn ngứa, thời gian nghỉ 01 ngày (05/12/2022).

Những lần mua Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của G., H.A đều đến nhà G. để nhận giấy tờ và thanh toán tiền cho G.. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, H.A nộp **03** giấy nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội nộp lại cho Công ty để Công ty làm thủ tục thanh toán tiền bảo hiểm xã hội. Khoảng tháng 01/2023, Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn thông báo cho Công ty về việc giấy tờ không hợp lệ nên bảo hiểm không chi trả 03 ngày H.A nghỉ ốm.

Ngoài ra, H.A còn có hành vi mua giúp Nguyễn Thị L., sinh năm 2001, trú tại thôn D, xã M, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội, là nhân viên của Công ty TNHH O. 01 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ 03 ngày từ ngày 25/10/2023 đến ngày 27/10/2023, có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, với giá 210.000 đồng. L. gửi thông tin tên, tuổi, thông tin Công ty và số thẻ bảo hiểm cho H.A, sau đó H.A gửi thông tin của L. cho G. để G. làm. Ngày 25/10/2023, L. sử dụng số tài khoản 1030717652 Ngân hàng Vietcombank của L. chuyển số tiền 195.000 đồng vào số tài khoản 0965341372 Ngân hàng MB Bank của H.A, sau khi G. làm xong giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, H.A đến nhà G. lấy giấy chứng nhận viện đa khoa Sóc Sơn và chuyển số tiền 150.000 đồng vào số tài khoản 10524876913019 của Ngân hàng

Techcombank của G. và 60.000 đồng tiền mặt để thanh toán tiền mua giấy cho L.. Nhận được giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, H.A đưa lại cho L. và L. trả nốt số tiền 15.000 đồng cho H.A. Ngày 28/10/2023, L. nộp giấy lại cho Công ty để Công ty làm thủ tục thanh toán tiền bảo hiểm xã hội cho L.. Khoảng 01 tuần công ty thông báo cho L. về việc giấy tờ không hợp lệ. Việc H.A mua hộ giấy tờ cho L. thì H.A không được hưởng lợi gì.

Đầu năm 2023, Nguyễn Thị A. gặp G., G. giới thiệu G. có thể làm được Giấy khám sức khỏe với giá 80.000 đồng/01 giấy, Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội với giá 50.000 đồng/01 ngày. G. bảo Nguyễn Thị A. nếu có khách hỏi mua giới thiệu cho G. để G. làm, Nguyễn Thị A. đồng ý. Nguyễn Thị A. sử dụng tài khoản facebook Nguyễn Thị A. để đăng bài viết trên nhóm facebook tên "Tuyển dụng việc làm" với nội dung "*Cần mua giấy nghỉ trên địa bàn huyện Sóc Sơn"*. Sau đó ***Nguyễn Thị T.***, sinh năm 1996, trú tại L, T, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội nhắn tin vào tài khoản facebook của Nguyễn Thị A. để hỏi mua các giấy tờ. Nguyễn Thị A. và T. thống nhất với giá bán 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội giá là *100.000 đồng/01 ngày* (Nguyễn Thị A. được hưởng lợi số tiền là *50.000 đồng/01 ngày*), còn T. bán Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội với giá là *150.000 đồng/ 01 ngày* (*T. được hưởng lợi số tiền 50.000 đồng/01 ngày*); Giấy khám sức khỏe có ảnh là *150.000 đồng/01 giấy* (Nguyễn Thị A. được hưởng lợi số tiền *70.000 đồng/01 giấy*), T. bán giấy khám sức khỏe có ảnh là *180.000 đồng/01 tờ* (T. được hưởng lợi *30.000 đồng/01 giấy*); Giấy khám sức khỏe không có ảnh là *100.000 đồng/01 giấy* (Nguyễn Thị A. được hưởng lợi số tiền là *20.000 đồng/01 giấy*), còn T. bán Giấy khám sức khỏe không có ảnh là *130.000 đồng/01 tờ* (T. được hưởng lợi số tiền là *30.000 đồng/01 giấy*). T. cung cấp thông tin khách hàng, chụp thẻ bảo hiểm khách hàng gửi vào tài khoản zalo cho Nguyễn Thị A., sau đó Nguyễn Thị A. chuyển lại cho G. để G. làm giấy tờ cho khách theo yêu cầu.

Ngày 03/10/2023, L. là nhân viên của Công ty TNHH T. (HCM) Việt Nam chi nhánh Hà Nội do không có ai trông con và Công ty của L. quy định nhân viên 01 tháng chỉ được nghỉ 01 ngày phép nên L. đã đến quán của T. để hỏi mua giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội để nộp cho Công ty, thời gian nghỉ từ ngày 03/10/2023 đến 07/10/2023. T. đồng ý bán cho L. với giá 650.000 đồng và yêu cầu L. cung cấp thông tin và sổ bảo hiểm của L. cho T.. T. gửi thông tin của L. cho Nguyễn Thị A., Nguyễn Thị A. chuyển cho G. để G. làm giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội. L. chuyển vào số tài khoản 0351000940640 của Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thị T. số tiền 650.000 đồng, T. chuyển vào số tài khoản 0389067191 của Ngân hàng Mb Bank của Nguyễn Thị A. số tiền 500.000

đồng để thanh toán tiền mua Giấy chứng nhận. Nguyễn Thị A. chụp ảnh Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn gửi cho T., T. gửi cho L. để L. gửi bản mềm cho Công ty xin nghỉ phép. Chiều ngày 03/10/2023, Nguyễn Thị A. đến nhà G. lấy 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn có thông tin của Nguyễn Thị L., Nguyễn Thị A. chuyển số tiền 250.000 đồng vào số tài khoản 10524876913019 ngân hàng Techcombank của G. để thanh toán tiền mua Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội có ghi thông tin của L.. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/10/2023, Nguyễn Thị A. mang Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội có thông tin của L. đến điểm hẹn tại khu vực gầm cầu K, xã X, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội để đưa cho T.. Ngày 08/10/2023, L. đến qua quán nhà T. lấy Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng Bảo hiểm xã hội nộp cho Công ty. Khoảng 02 tuần sau, Bảo hiểm huyện Sóc Sơn thông báo giấy tờ không hợp lệ nên lãnh đạo Công ty mời L. lên làm việc. L. thừa nhận việc không thăm khám tại Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn mà do mua giấy tờ giả để hợp thức hóa cho việc nghỉ phép.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T. tại L, T, Sóc Sơn, Hà Nội, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 Giấy khám sức khỏe không ghi thông tin người khám, dán ảnh một nam giới (không ghi rõ lý lịch); 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội số 25 mang tên Hoàng Thị V., sinh ngày 01/8/2022, Mã số BHXH: 2715034696, đơn vị làm việc: Công ty TNHH S (MTSV); 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội số 74 mang tên Hoàng Văn T., sinh ngày 12/9/1995, Mã bảo hiểm: DN401024547817, đơn vị làm việc: CÔNG TY CỔ PHẦN A.; 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội số 302 mang tên VI VĂN T., sinh ngày 26/4/1996, mã số bảo hiểm: DN4271420589731, đơn vị làm việc: Công ty Cổ phần S.; 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội số 74 mang tên NGUYỄN THỊ L., sinh ngày 25/12/1998, mã số bảo hiểm: DN4270130877345, đơn vị làm việc: Công ty TNHH C.; 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội số 89 mang tên NGUYỄN THÚY H., sinh ngày 20/6/1996, mã số bảo hiểm: DN0128986847, đơn vị làm việc: Công ty CP P. (*06 tài liệu đều có đóng dấu có nội dung Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn và dấu đỏ đứng tên Giám đốc BSCKII: Tạ Văn S.*). T. khai nhận: 05 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và 01 Giấy khám sức khỏe mà Cơ quan CSĐT - Công an huyện Sóc Sơn thu giữ được tại nhà T. là những tài liệu giả mà khách đặt mua của T., sau đó T. gửi lại thông tin của khách hàng cho Nguyễn Thị A., Nguyễn Thị A. chuyển lại thông tin khách hàng cho G. để G. làm. Khi làm xong các giấy tờ cho khách G. đưa lại cho Nguyễn Thị A. và Nguyễn Thị A. đưa lại cho T.. Khách hàng đã thanh toán tiền mua các giấy tờ trên,

tuy nhiên khi khách hàng kiểm tra thông tin bị sai nên khách hàng không nhận nữa và T. đã trả lại tiền mặt cho những khách hàng này.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của ***Trần Thị Thanh G.*** tại thôn B, xã T, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội, Cơ quan điều tra thu giữ: **01** dấu tròn, màu đỏ có nội dung "Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, Sở y tế Thành phố Hà Nội"; **01** dấu chức danh, màu đỏ ghi dòng chữ "Giám đốc BSCKII: Tạ Văn S."; **01** dấu tên màu xanh, ghi dòng chữ "BSCKI: Phạm Minh Th."; **01** dấu tên màu xanh, ghi dòng chữ "BS. Trần Thanh M."; **01** dấu tên màu xanh, ghi dòng chữ "BS. Bùi Minh T."; 01 dấu tên màu xanh, ghi dòng chữ "BS. Bùi Minh T."; **01** dấu tên màu xanh, ghi dòng chữ "BS. Hoàng Thị O."; **01** dấu màu đỏ, ghi dòng chữ "Đã thu tiền"; 01 lọ mực màu xanh, dán nhãn "Shing Stamp INC", 01 lọ mực màu đỏ, dán nhãn "Shing Stamp INC"; 10 Giấy khám sức khỏe của người lái xe và **10** Giấy khám sức khỏe có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn. G. khai: các con dấu và lọ mực thu giữ tại chỗ ở của G., G. dặt mua ở trên mạng và mục đích mua về để làm giả các Giấy khám sức khỏe và Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội để bán kiếm lời.

Ngày 28/6/2024 Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Tp Hà Nội có bản Kết luận giám định số 4772 kết luận đối với tài liệu thu giữ tại chỗ ở của G. và T. như sau:

- Con dấu có nội dung "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" gửi giám định đóng ra hình tròn "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A26.

- Con dấu có nội dung "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" gửi giám định ***không đóng ra hình dấu tròn*** "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5.

- Hình dấu tròn "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A26 với hình dấu tròn "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 ***không phải do cùng một con dấu đóng ra.***

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Tạ Văn S. trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1 đến A26 với chữ ký đứng tên Tạ Văn S. trên mẫu so sánh ký hiệu M4 có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Phạm Minh Th. trên các mẫu giám định ký hiệu từ A4 đến A26 với chữ ký đứng tên Phạm Minh Th. trên mẫu so sánh ký hiệu M5 có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Trần Thanh M. trên các mẫu giám định ký hiệu từ A6 đến A26 với chữ ký đứng tên Trần Thanh M. trên mẫu so sánh ký hiệu M6, M7 có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

Do vậy tổng số tiền Trần Thị Thanh G. thu lợi bất chính là 1.520.000 đồng; Nguyễn Thị A. thu lợi bất chính là 970.000 đồng; Nguyễn Thị T. thu lợi bất chính là 150.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: **01** dấu tròn, màu đỏ có nội dung "Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, Sở y tế Thành phố Hà Nội"; **01** dấu màu đỏ, ghi dòng chữ "Đã thu tiền"; 06 dấu tên của các bác sĩ; 01 lọ mực màu xanh, dán nhãn "Shing Stamp INC", 01 lọ mực màu đỏ, dán nhãn "Shing Stamp INC; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xám đen thu giữ của G.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 10 màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị A.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh đen thu giữ của T.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của B..

Đối với hành vi sử dụng **01** giấy tờ giả của *Vũ Phương Th., Ngô Thị Thanh T., Nguyễn Thị L., Nguyễn Thị L.*, *Phạm Trung H.*: có dấu hiệu của tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, quá trình điều tra xác định hành vi của Thảo, Tâm, L., L. và Hiếu chưa hoàn thiện hồ sơ quyết toán, chưa gây ra hậu quả, thiệt hại, xét thấy không còn nguy hiểm cho xã hội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với **01** Giấy ra viện có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện Nam Thăng Long, mang tên Nguyễn Thị V., thu giữ tại chỗ ở của B.. Quá trình điều tra xác định: Vân đã tích cực phối hợp với Cơ quan CSĐT - Công an huyện Sóc Sơn để làm rõ hành vi phạm tội của B.; bản thân V. cũng chưa sử dụng giấy ra viện này nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với số tiền 4.522.188 đồng, V. đã được Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn chi trả. Quá trình điều tra xác định: V. có hành vi sử dụng tài liệu giả (giấy ra viện) để cung cấp cho đơn vị công tác nhằm mục đích để xin nghỉ việc, sau khi sự việc bị phát hiện V. đã nộp lại toàn bộ số tiền nêu trên. Do số tiền bảo hiểm xã hội đã chi trả cho V. dưới 10 triệu đồng nên hành vi của V. không cấu thành tội gian lận bảo hiểm xã hội theo Điều 214 Bộ luật Hình sự.

Đối với **01** giấy khám sức khỏe Trần Thị Thanh G. bán cho Nguyễn Thị A. năm 2021. Quá trình điều tra làm rõ, sau khi mua giấy thì Nguyễn Thị A. không sử dụng vào mục đích xin việc và đã vứt bỏ. Do không thu giữ được Giấy khám sức khỏe nêu trên nên không có cơ sở xác minh làm rõ.

Đối với **05** Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn mang tên Hoàng Thị V., Hoàng Văn T., Vi Văn T., Nguyễn Thị L., Nguyễn Thúy H. (thu giữ tại chỗ ở của T.) theo kết luận giám định là giấy tờ giả. Quá trình điều tra làm rõ: V., T., T., L. và H. không nhận giấy tờ do các thông tin cá nhân trên 05 Giấy chứng nhận nêu trên bị sai; T. đã trả

lại tiền cho V., T., T., L. và H. nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với Giấy khám sức khỏe thu giữ tại chỗ ở của B., T. và G. chưa điền các thông tin. Quá trình điều tra xác định: B., T. và G. để sẵn các giấy tờ ở nhà nhằm mục đích khi nào có khách đặt mua sẽ điền thông tin khách hàng vào trong Giấy khám sức khỏe.

Đối với Lê Hồng P. (là con trai của B.): không biết việc B. sử dụng số tài khoản Ngân hàng của P. để khách hàng đặt mua giấy tờ giả thanh toán tiền cho B.. Quá trình điều tra xác định, năm 2019, do B. không biết mở số tài khoản ngân hàng nên P. đã mở số tài khoản 19035170047019 của Ngân hàng Techcombank rồi cho B. quản lý và sử dụng. Việc B. bán giấy tờ giả, P. không biết và không được hưởng lợi gì nên không có căn cứ xử lý Phát với vai trò đồng phạm.

Đối với đối tượng bán con dấu giả cho G. qua qua mạng xã hội, do G. không biết nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với người nam giới tên Dg., quá trình điều tra xác định: do B. không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản cáo trạng số 263/CT-VKS ngày 22/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Trần Thị Thanh G. về tội "Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo Điểm a Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự;

Truy tố Nguyễn Thị B., Nguyễn Thị A., Nguyễn Thị T. về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo Điểm a Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự;

Truy tố Nguyễn Thị V., Nguyễn H.A về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn duy trì quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Căn cứ:

- Điểm a Khoản 3 Điều 341; Điểm b Khoản 2 Điều 341; Điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Trần Thị Thanh G.);

- Điểm a Khoản 3 Điều 341; Điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Nguyễn Thị B., Nguyễn Thị T., Nguyễn Thị A.);

- Điểm b Khoản 2 Điều 341; Điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Nguyễn Thị V., Nguyễn H.A);

Xử phạt:

1. Trần Thị Thanh G. từ 36 đến 39 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và từ 24 đến 27 tháng tù về tội "Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 05 (năm) tù đến 05 (năm) năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/5/2024 đến ngày 30/5/2024.

2. Nguyễn Thị B. 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

3. Nguyễn Thị A. 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

4. Nguyễn Thị T. 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

5. Nguyễn Thị V. từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng kể từ ngày tuyên án về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

6. Nguyễn H.A từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng kể từ ngày tuyên án về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo B. nhất trí với tội danh và điều luật đã truy tố đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên nhận thức của bị cáo có nhiều hạn chế; bị cáo đã nộp lại số tiền thu lời bất chính; bị cáo có người thân trong gia đình là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất vai trò, mức độ tham gia của bị cáo B. trong vụ án, nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có ý kiến đối đáp với những đề nghị của người bào chữa trùng với quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát mà chỉ có ý kiến đối đáp về ý kiến,

quan điểm của người bào chữa về việc đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như sau:

Việc người bào chữa cho rằng bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên nhận thức của bị cáo có nhiều hạn chế không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; việc bị cáo đã nộp lại số tiền thu lời bất chính và có người thân trong gia đình là người có công với cách mạng đã được đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì đó không phải là căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự . Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Do vậy, Viện kiểm sát không nhất trí với đề nghị của người bào chữa là áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo mà vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời khai của bị cáo, người L. quan và các chứng cứ khác đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Từ năm 2019 đến năm 2023, Nguyễn Thị V. đã mua của Nguyễn Thị B. 06 giấy ra viện (có chữ ký và dấu đỏ) của Bệnh viện Nam Thăng Long để nộp cho Công ty nơi V. làm việc nhằm thu lợi bất chính số tiền là 4.522.188 đồng, sau đó được công ty chuyển hồ sơ đến Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn để thực hiện việc chi trả bảo hiểm.

Nguyễn Thị B. là người cung cấp thông tin của Nguyễn Thị V. cho người nam giới tên Dg. để Dg. làm 06 giấy ra viện giả để hưởng tiền chênh lệch. Ngoài ra, thu giữ tại chỗ ở của B. 01 Giấy ra viện và 03 Giấy khám sức khỏe là giấy tờ giả.

Trần Thị Thanh G. có hành vi mua con dấu có nội dung "BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN" giả để sử dụng vào mục đích làm giả Giấy khám sức khỏe, Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội giả để bán cho Nguyễn H.A 03 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn; bán cho Nguyễn Thị L. 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn; bán cho Nguyễn Thị L. 01 Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn.

Nguyễn Thị A. và Nguyễn Thị T. có hành vi nhiều lần mua giấy tờ giả của G. để bán cho khách nhằm mục đích kiếm lời.

Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 3.900.000 đồng trong đó B. là 1.260.000 đồng; G. là 1.520.000 đồng; Nguyễn Thị A. là 970.000 đồng; T. là 150.000 đồng.

Hành vi của Trần Thị Thanh G. đã phạm vào tội "Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo Điểm a Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự;

Hành vi của Nguyễn Thị B., Nguyễn Thị A., Nguyễn Thị T. đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo Điểm a Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự;

Hành vi của Nguyễn Thị V., Nguyễn H.A đã phạm vào tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Trần Thị Thanh G. về tội "Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo Điểm a Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Thị B., Nguyễn Thị A., Nguyễn Thị T. về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo Điểm a Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Thị V., Nguyễn H.A về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ. Nội dung điều luật quy định:

"Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính về con dấu, tài liệu, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị A. phạm tội lần đầu, đầu thú, đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính 970.000 đồng, bị cáo có bố đẻ Nguyễn Văn T. (Nguyễn Hồng T.) là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất và được tặng nhiều Giấy khen trong quá trình công tác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị V. phạm tội lần đầu, có ông nội Nguyễn Văn L. là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba, đã tự nguyện trả lại số tiền thu lời bất chính 4.522.188 đồng cho Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo khai ra hành vi của bị cáo B. là trực tiếp L. quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này, vì vậy đây được coi là bị cáo thành khẩn khai báo chứ không thuộc trường hợp người phạm tội đã lập công chuộc tội để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm u Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị B. phạm tội lần đầu, có đóng góp ủng hộ các tỉnh bị thiệt hại do bão lũ năm 2024 với số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo có bố đẻ Nguyễn Văn T. là người thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn Văn Đ., bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính 1.260.000 đồng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Thị Thanh G. phạm tội lần đầu, đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính 1.520.000 đồng, có bố chồng Nguyễn Thanh P. là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị T. phạm tội lần đầu, đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính 150.000 đồng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn H.A phạm tội lần đầu, có vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo sử dụng giấy tờ giả không mang mục đích mua đi bán lại để hưởng chênh lệch, có hoàn cảnh khó khăn (con bị cáo sinh năm 2024 và đã chết năm 2024).

Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị B. đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo B. là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, việc người bào chữa cho rằng bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn , nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế thì đó cũng không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; việc bị cáo đã nộp lại số tiền thu lời bất chính và có người thân trong gia đình là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì đó không phải là căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự . Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Như vậy, đối với đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B. mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo Trần Thị Thanh G. phạm hai tội nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai tội mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo Nguyễn Thị B., Nguyễn Thị A., Nguyễn Thị T., Nguyễn Thị V., Nguyễn H.A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù trong khung hình phạt, cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy, hiện các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với **01** dấu tròn, màu đỏ có nội dung "Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, Sở y tế Thành phố Hà Nội"; **01** dấu màu đỏ, ghi dòng chữ "Đã thu tiền"; 06 dấu tên của các bác sĩ; 01 lọ mực màu xanh, dán nhãn "Shing Stamp INC", 01 lọ mực màu đỏ, dán nhãn "Shing Stamp INC là công cụ, phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xám đen thu giữ của Trần Thị Thanh G.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 10 màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị A.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh đen thu giữ của Nguyễn Thị T.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của Nguyễn Thị B. các bị cáo đều sử dụng thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công.

Tịch thu sung công: 970.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị A. đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai thu tiền số 0062762 ngày 27/11/2024;

Tịch thu sung công: 150.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị T. đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai thu tiền số 0062760 ngày 26/11/2024;

Tịch thu sung công: 1.260.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị B. đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai thu tiền số 0062776 ngày 05/12/2024;

Tịch thu sung công: 1.520.000 đồng bị cáo Trần Thị Thanh G. đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai thu tiền số 0062771 ngày 26/11/2024.

Đối với hành vi sử dụng **01** giấy tờ giả của *Vũ Phương Th., Ngô Thị Thanh T., Nguyễn Thị L., Nguyễn Thị L.*, *Phạm Trung H.*: có dấu hiệu của tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, quá trình điều tra xác định hành vi của TH., T., L., L. và H. chưa hoàn thiện hồ sơ quyết toán, chưa gây ra hậu quả, thiệt hại, xét thấy không còn nguy hiểm cho xã hội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với **01** Giấy ra viện có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện Nam Thăng Long, mang tên Nguyễn Thị V., thu giữ tại chỗ ở của B.. Quá trình điều tra xác định: Vân đã tích cực phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Sóc Sơn để làm rõ hành vi phạm tội của B.; bản thân V. cũng chưa sử dụng giấy ra viện này nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với số tiền 4.522.188 đồng, V. đã được Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn chi trả. Quá trình điều tra xác định: V. có hành vi sử dụng tài liệu giả (giấy ra viện) để cung cấp cho đơn vị công tác nhằm mục đích để xin nghỉ việc, sau khi sự việc

bị phát hiện V. đã giao nộp lại toàn bộ số tiền nêu trên. Do số tiền bảo hiểm xã hội đã chi trả cho V. dưới 10 triệu đồng nên hành vi của V. không cấu thành tội gian lận bảo hiểm xã hội theo Điều 214 Bộ luật hình sự.

Đối với **01** giấy khám sức khỏe Trần Thị Thanh G. bán cho Nguyễn Thị A. năm 2021. Quá trình điều tra làm rõ, sau khi mua giấy thì Nguyễn Thị A. không sử dụng vào mục đích xin việc và đã vứt bỏ. Do không thu giữ được Giấy khám sức khỏe nêu trên nên không có cơ sở xác minh làm rõ.

Đối với **05** Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội có chữ ký và dấu đỏ của Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn mang tên Hoàng Thị V., Hoàng Văn T., Vi Văn TH., Nguyễn Thị L., Nguyễn Thúy H. (thu giữ tại chỗ ở của T.) theo kết luận giám định là giấy tờ giả. Quá trình điều tra làm rõ: V, T, T, L và H không nhận giấy tờ do các thông tin cá nhân trên 05 Giấy chứng nhận nêu trên bị sai; T. đã trả lại tiền cho V, T, T, L và H nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với Giấy khám sức khỏe thu giữ tại chỗ ở của B., T. và G. chưa điền các thông tin. Quá trình điều tra xác định: B., T. và G. để sẵn các giấy tờ ở nhà nhằm mục đích khi nào có khách đặt mua sẽ điền thông tin khách hàng vào trong Giấy khám sức khỏe.

Đối với Lê Hồng P. (là con trai của B.): không biết việc B. sử dụng số tài khoản Ngân hàng của P. để khách hàng đặt mua giấy tờ giả thanh toán tiền cho B.. Quá trình điều tra xác định, năm 2019, do B. không biết mở số tài khoản ngân hàng nên P. đã mở số tài khoản 19035170047019 của Ngân hàng Techcombank rồi cho B. quản lý và sử dụng. Việc B. bán giấy tờ giả, P. không biết và không được hưởng lợi gì nên không có căn cứ xử lý P. với vai trò đồng phạm.

Đối với đối tượng bán con dấu giả cho G. qua qua mạng xã hội, do G. không biết nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với người nam giới tên Dg., quá trình điều tra xác định: do B. không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điểm a Khoản 3 Điều 341; Điểm b Khoản 2 Điều 341; Điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Trần Thị Thanh G.);

- Điểm a Khoản 3 Điều 341; Điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Nguyễn Thị B., Nguyễn Thị T., Nguyễn Thị A.);

- Điểm b Khoản 2 Điều 341; Điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Nguyễn Thị V., Nguyễn H.A);

- Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Điều 106, 135, 326, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Toà án.

Xử phạt:

1. Trần Thị Thanh G. 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/5/2024 đến ngày 30/5/2024.

2. Nguyễn Thị B. 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

3. Nguyễn Thị A. 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

4. Nguyễn Thị T. 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

5. Nguyễn Thị V. 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

6. Nguyễn H.A 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Giao bị cáo Nguyễn Thị B. cho Uỷ ban nhân dân phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị A. cho Uỷ ban nhân dân xã Xuân G., huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T. cho Uỷ ban nhân dân xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị V. cho Uỷ ban nhân dân phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn H.A cho Uỷ ban nhân dân xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy **01** dấu tròn, màu đỏ có nội dung "Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, Sở y tế Thành phố Hà Nội"; **01** dấu màu đỏ, ghi dòng chữ "Đã thu tiền"; 06 dấu tên của các bác sĩ; 01 lọ mực màu xanh, dán nhãn "Shing Stamp INC", 01 lọ mực màu đỏ, dán nhãn "Shing Stamp INC.

Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xám đen thu giữ của Trần Thị Thanh G.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 10 màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị A.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh đen thu giữ của Nguyễn Thị T.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của Nguyễn Thị B..

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/12/2024 giữa Công an huyện Sóc Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn).

Tịch thu sung công: 970.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị A. đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai thu tiền số 0062762 ngày 27/11/2024;

Tịch thu sung công: 150.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị T. đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai thu tiền số 0062760 ngày 26/11/2024;

Tịch thu sung công: 1.260.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị B. đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai thu tiền số 0062776 ngày 05/12/2024;

Tịch thu sung công: 1.520.000 đồng bị cáo Trần Thị Thanh G. đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai thu tiền số 0062771 ngày 26/11/2024;

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Bị cáo*;

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Công an huyện Sóc Sơn;
- THADS huyện Sóc Sơn;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Bích Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Nguyệt